

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2023.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

Ông Lê Văn Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh
Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
37/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2023/QĐST-
HNGĐ ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh B, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị Nonh P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: phòng 2, số nhà 2, tổ 8, ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(anh B, chị P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn anh Trần
Thanh B trình bày:**

Anh và chị Nonh P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và
được UBND xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận
kết hôn số: 01/2007 ngày 16/3/2007. Trong quá trình chung sống thường xuyên
xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn, ngày càng trở

lên trầm trọng anh, chị đã ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến nhau, anh đã 3 lần nộp đơn lên Tòa án để xin ly hôn, nhưng vì thương con nên anh đã rút đơn khởi kiện, nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ lại được. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị Nonh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần La Minh N, sinh ngày 07/01/2008, kể từ khi ly thân đến nay cháu N do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị P nuôi dưỡng

Tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Nonh P không có lời khai tại tòa:**

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho anh Trần Thanh B được ly hôn với chị Nonh P.

Về con chung: Giao con chung tên là Trần La Minh N, sinh ngày 07/01/2008 cho chị P nuôi dưỡng, tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc anh B phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Anh Trần Thanh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nonh P được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị P và anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thanh B và chị Nonh P là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của anh B xin được ly hôn với chị P, vì anh B cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân từ nhiều năm nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho anh B được ly hôn với chị P là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần La Minh N, sinh ngày 07/01/2008, kể từ khi ly thân đến nay cháu N đang do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nên anh đồng ý giao cháu N cho chị P nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu N, nên có cơ sở để chấp nhận. Do vậy giao con chung là cháu N cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào phần tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; khoản 1, 2 Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh Trần Thanh B được ly hôn với chị Nonh P.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần La Minh N, sinh ngày 07/01/2008 cho chị P trực tiếp trông nom chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng.

- Tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Trần Thanh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không

ai được cản trở anh B thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004936 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh B đã nộp đủ.

6. Anh Trần Thanh B và chị Nonh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Tân Bình;
- Chi cục THADS H Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến